TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HN&GĐ-ST
Ngày: 03/01/2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hoàng Phúc.

2. Ông Nguyễn Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Liên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

- Phiên tòa không có Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia.

Ngày 03 tháng 01 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường, vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 488/2023/TLST-HN&GĐ, ngày 03 tháng 11 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 255/2023/QĐXXST-HN&GĐ, ngày 19 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thái Thị S, sinh năm 1981;

Nơi cư trú: Số E, đường số B, tổ B, thôn I, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Bá Đ, sinh năm 1976;

Nơi cư trú: Số E, đường số B, tổ B, thôn I, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt bà S và ông Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" lập ngày 25/9/2023, cùng các bản tự khai, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì việc trình bày của bà Thái Thị S thể hiện:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Bá Đ tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau rồi đi đến kết hôn năm 2000, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ (nay là xã N), huyện Đ, tỉnh Bình Thuận, giấy chứng nhận kết hôn số: 67/2000; quyển số: 01, ngày 21/02/2000. Trong quá trình chung sống giữa bà và ông Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do ông Đ luôn kiếm chuyện gây gỗ và đánh đập bà. Bà xác định không còn tình cảm yêu thương, quý trọng đối với ông Đ nữa. Nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông Đ có với nhau 03 người con chung tên Nguyễn Bá T, sinh năm 2001; Nguyễn Thị Thùy T1, sinh năm 2003 và Nguyễn Bá Gia T2, sinh ngày 23/3/2017. Bà yêu cầu giải quyết được là người trực tiếp nuôi dưỡng người con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Bá Gia T2, sinh ngày 23/3/2017.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà không yêu cầu ông Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản khai của ông Nguyễn Bá Đ ngày 11/12/2023, thể hiện.

Về hôn nhân: Ông và bà Thái Thị S tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến kết hôn vào năm 2000, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ (nay là xã N), huyện Đ, tỉnh Bình Thuận, giấy chứng nhận kết hôn số: 67/2000; quyển số: 01, ngày 21/02/2000. Trong thời gian chung sống, ông và bà S có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do tính cách giữa ông và bà S khác nhau làm cho cuộc sống gia đình luôn bất hòa, không hạnh phúc, nhưng ông cho rằng đó là những mâu thuẫn nhỏ, vặt vảnh trong gia đình. Vì vậy, ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà S.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông và bà S có với nhau 03 người con chung tên Nguyễn Bá T, sinh năm 2001; Nguyễn Thị Thùy T1, sinh năm 2003 và Nguyễn Bá Gia T2, sinh ngày 23/3/2017. Ông yêu cầu giải quyết được là người trực tiếp nuôi dưỡng người con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Bá Gia T2, sinh ngày 23/3/2017.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông không yêu cầu bà S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do vụ án không thuộc trường hợp Tòa án phải thực hiện các thủ tục tố tụng để tiến hành thu thập chứng cứ, cũng không có đối tượng tranh chấp thuộc các trường hợp quy

định ở khoản 2, Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Cho nên phiên tòa không có sự tham gia của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện lập ngày 25/9/2023, Toà án xác định đây là vụ án *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Nguyên đơn, bị đơn có địa chỉ và nơi cư trú rõ ràng trên địa bàn huyện Đ, tỉnh Bình Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Thái Thị S và ông Nguyễn Bá Đ có thời gian tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến kết hôn năm 2000, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ (nay là xã N), huyện Đ, tỉnh Bình Thuận, giấy chứng nhận kết hôn số: 67/2000; quyển số: 01, ngày 21/02/2000. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, trong cuộc sống hôn nhân của ông bà đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do không đồng cảm, chia sẻ cho nhau. Dẫn đến đời sống vợ chồng không êm ấm, thường xuyên xảy ra cãi vã, gây gỗ. Trong quá trình tố tụng, Tòa án cũng đã tổ chức nhiều phiên hòa giải, nhằm hàn gắn cho ông bà về chung sống đoàn tụ với nhau, nhưng kết quả hòa giải không thành. Tại phiên tòa bà S xác định không còn tình cảm yêu thương gì với ông Đ nữa, bà nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Đ. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa bà S và ông Đ thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà S là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Bà S và ông Đ đều có yêu cầu giải quyết cho mình được quyền trực tiếp nuôi dưỡng người con chung chưa thành niên tên: Nguyễn Bá Gia T2, sinh ngày 23/3/2017. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của cả bà S và ông Đ là yêu cầu hoàn toàn chính đáng, không trái với quy định của pháp luật. Hiện nay, bà S là công nhân tại Công ty G có thu nhập ổn định và bà đã cung cấp các tài liệu chứng minh bản thân có công việc và thu nhập ổn định. Ông Đ hiện làm nông không có công việc và thu nhập ổn định. Mặt khác, cháu T2 tuổi còn nhỏ cần sự chăm sóc từ mẹ nhiều hơn cha, trong khi ông Đ là

người thường xuyên rượu chè, mất kiểm soát, thiếu tỉnh táo. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Nguyễn Bá Gia T2, sinh ngày 23/3/2017 cho bà S là người trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét đến trong bản án này.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà S và ông Đ không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến trong bản án này.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà S là người phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

[8] Về áp dụng án lệ: Vụ án ly hôn giữa bà Thái Thị S và ông Nguyễn Bá Đ là vụ án Hôn nhân và gia đình. Theo đơn khởi kiện của bà S thì Tòa án xem xét giải quyết quan hệ ly hôn theo quy định của luật Hôn nhân và Gia đình. Nghiên cứu tất cả án lệ do Tòa án nhân dân Tối cao công bố, không có vụ án nào tương tự như vụ án đang được xét xử. Vì vậy, HĐXX không áp dụng án lệ mà chỉ căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 8, 9, 51, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Đ1 a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị S.

1. Về hôn nhân: Bà Thái Thị S ly hôn với ông Nguyễn Bá Đ.

2. Về con chung: Giao cho bà Thái Thị S là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên tên: Nguyễn Bá Gia T2, sinh ngày 23/3/2017.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Bà Thái Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)*, nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí do bà S đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017560, ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Bà S đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn đều có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (03/01/2024). (đã giải thích).

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thị hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan thi hành án cùng cấp;
- UBND xã Nam Chính;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đức